

Bản án số: 36/2020/HS - ST
Ngày 15 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Tuyền

Ông Lò Văn Sung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Hiền Lương, Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn M**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1977 tại tỉnh N; Nơi ĐKKTT: Xóm H, xã B, huyện G, tỉnh N; Tạm trú: Tổ 18, phường T, thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lương Xuân V, sinh năm 1951 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; Có vợ là Trần Thị L, sinh năm 1982; Có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 07/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

Anh Hoàng Hữu D, sinh năm 2001

ĐHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: tổ 26, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

“Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do”.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 410 đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Q, thành phố C, tỉnh C “có mặt tại phiên tòa”.

+ Anh Vi Văn H, sinh năm 1999

ĐKHKT: Thôn G, xã Đ, huyện V, tỉnh Y. “Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do”.

- Người làm chứng: Chị Lê Thị A, sinh năm 1971

ĐKHKT: Xã P, huyện T, tỉnh P

Chỗ ở: Tổ 22, phường Đ, thành phố C, tỉnh C “vắng mặt tại phiên tòa, có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 23 giờ ngày 28/5/2020, Lương Văn M cùng với bạn là Kiều (M không rõ lai lịch) đến quán café 68 thuộc tổ 22, phường Đ, thành phố C, tỉnh C để uống nước. Khoảng 05 phút sau, K về trước, M ngồi uống nước đến hơn 23 giờ cùng ngày thì thanh toán tiền rồi đi về. Khi M đi đến cửa quán, phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 của Hoàng Hữu D đang dựng ở phía trước cửa quán café. Đầu xe hướng vào trong quán, đuôi xe hướng ra ngoài đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe và không có ai trông giữ xe. M tiến lại gần, ngồi lên lùi xe ra phía ngoài đường thì bị ngã, khi M ngã có chị Lê Thị A là chủ quán café 68 nhìn thấy. Sau đó, M dựng xe lên nổ máy, điều khiển xe về lán thợ tại tổ 18, phường T, thành phố C để ngủ, trong lán thợ lúc này không có ai.

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 29/5/2020, M điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ trộm cắp được đi đến quán cầm đồ “Tiến Hon” tại số nhà 410, đường Trần Hưng Đạo, thuộc tổ 5, phường Q, thành phố C cầm đồ cho Lê Văn T với giá 8.000.000 đồng (M không nói với T đây là xe do M trộm cắp). Lê Văn T có viết giấy cầm đồ với M và giữ lại giấy phép lái xe mang tên Lương Văn M. Có được số tiền 8.000.000 đồng, M đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh L gửi vào tài khoản của anh Lã Xuân H, sinh năm 1958 ở đội 18, xóm X, xã B, huyện G, tỉnh N số tiền 5.000.000 đồng và mất thêm 22.000 đồng phí chuyển tiền, mục đích M chuyển tiền trả khoản nợ trước đó M nợ anh H.

Ngày 29/5/2020, Hoàng Hữu D có đơn trình báo gửi Công an thành phố C về việc bị mất trộm xe máy trên. Qua xác minh, điều tra ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã triệu tập Lương Văn M đến để làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Lương Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên và tự nguyện giao nộp số tiền 2.978.000 đồng. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của ông Lê Văn T, thu giữ trong nhà Tiến 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63, 01 chìa khóa xe máy, 01 giấy cầm đồ ngày 29/5/2020 giữa Lê Văn T và Lương Xuân M, 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Văn M.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Bị hại anh Hoàng Hữu D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra chuẩn bị xét xử và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh trình bày: Thời gian, địa điểm, số lượng, đặc điểm và nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 là của anh do mượn của anh Vì Văn H là người làm cùng công ty với anh. Anh bị mất trộm phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hiện tại anh đã nhận lại chiếc xe máy bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường gì, về trách nhiệm hình sự anh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vì Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh H trình bày: Thời gian, địa điểm, số lượng, đặc điểm và nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 bị mất trộm đều phù hợp với lời khai của bị hại, bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác. Anh H xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 đăng ký xe tên Lộc Văn Đ là của anh do anh mua của anh Đ có làm thủ tục giấy tờ viết tay với nhau từ ngày 01/8/2018, do bận đi làm ăn nên anh chưa đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký tên anh, anh và bị hại Hoàng Hữu D có quan hệ bạn bè làm cùng công ty và sáng ngày 28/5/2020 anh cho D mượn xe máy để làm phương tiện đi lại, sau đó anh biết được nội dung bị cáo M đã trộm cắp chiếc xe của anh cho bị hại D mượn. Hiện nay anh D đã trả lại xe mượn của anh nên anh không có yêu cầu bị cáo, bị hại phải bồi thường gì cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có mặt tại phiên tòa, ông T trình bày: Thời gian, địa điểm, đặc điểm xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 mà ông đã thực hiện dịch vụ cầm đồ của bị cáo Lương Văn M vào sáng ngày 29/5/2020 với giá 8.000.000 đồng, khi Công an thành phố C khám xét chỗ ở của ông thì ông mới biết nội dung sự việc. Lời trình bày của ông tại phiên tòa và trong quá trình điều tra đều phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác, khi cầm đồ chiếc xe trên ông không biết nguồn gốc chiếc xe là do bị cáo M phạm tội mà có nên hành vi của ông T không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Những người liên quan đến vụ án: Ông Lã Xuân H là người đã cho bị cáo M vay số tiền 5.000.000 đồng trước đó, sau khi có được tiền cầm đồ chiếc xe máy trộm cắp của anh Hoàng Hữu D, bị cáo M chuyển khoản trả số tiền 5.000.000 đồng cho anh H. Quá trình điều tra xác định anh H không biết nguồn gốc số tiền bị cáo M chuyển trả nợ là do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật; Đối với chị Trần Thị L là vợ bị cáo M, chị không biết việc bị cáo trộm cắp chiếc xe máy 01 xe máy YAMAHA EXCITER màu đỏ, trắng, dung tích 150, mang BKS: 21K1-156.63 của anh Hoàng Hữu Dũng, sau khi biết sự việc, chị là người cầm số tiền 5.000.000 đồng

anh H trả và trực tiếp đến trả lại cho ông Lê Văn T (chủ hiệu cầm đồ) nên chị không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn M.

Kết luận định giá số 07/KLĐG ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: đã qua sử dụng từ năm 2015, hiện tại có giá trị là: 23.495.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSTP ngày 10/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo Lương Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh C trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đó, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án; Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo; Các biện pháp tư pháp: không; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hành vi tố tụng của các cơ quan tố tụng, các quyết định, cáo trạng, kết luận nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình làm công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vào khoảng 23 giờ 40 phút ngày 28/5/2020, tại quán café 68 thuộc tổ 22, phường Đ, thành phố C, tỉnh C, Lương Văn M lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài

sản của bị hại anh Hoàng Hữu D, bị cáo M đã có hành vi lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 21K1-156.63 của Hoàng Hữu D có trị giá tài sản là 23.495.000 đồng với mục đích đem đi cầm đồ để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Lương Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố đẻ là ông Lương Xuân V được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì theo quyết định số 865 ngày 14/12/1975 của Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam và xác nhận của UBND xã B, huyện G, tỉnh N. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng, BKS: 21K1-156.63, số khung: RLCUG0610FY015016, số máy: G3D4E-015030 và 01 chìa khóa xe máy bằng kim loại. Kết quả điều tra xác định, ngày 28/5/2020 Hoàng Hữu D mượn chiếc xe trên của Vì Văn H, sinh năm: 1999, HKTT: Xã Đ, huyện V, tỉnh Y (là người làm cùng công ty với D) để

đi chơi. Ngày 20/7/2020, Hoàng Hữu D có đơn xin lại tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-ĐCSHS trả lại tài sản trên cho Hoàng Hữu D là đúng quy định của pháp luật (*bút lục số 74,75*);

Đối với các tài liệu, đồ vật bị thu giữ, tạm giữ:

+ Số tiền 2.978.000 đồng Cơ quan điều tra Công an thành phố C thu giữ của bị cáo Lương Văn M, M khai là số tiền M cầm đồ chiếc xe máy trộm cắp của anh D với ông Lê Văn T, ông T có đơn xin lại số tiền trên. Ngày 08/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố C ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 07/QĐ-ĐCSHS về việc trả lại số tiền 2.798.000 đồng cho ông T là chủ sở hữu hợp pháp là đảm bảo đúng pháp luật (*Bút lục số 71,72*);

+ 01 giấy phép lái xe số 360185005889 mang tên Lương Văn M, ngày 26/6/2020 bị cáo Minh có đơn xin lại tài sản, cùng ngày Công an thành phố C ra quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ-ĐCSHS về việc trả tài sản trên cho bị cáo M là phù hợp quy định của pháp luật (*BL 68,69*);

Xét thấy việc xử lý đồ vật, tài liệu bị thu giữ, tạm giữ và vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã xử lý là đúng quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào nữa nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vì Văn H không yêu cầu bị cáo, bị hại phải bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T đã nhận lại số tiền 7.978.000 đồng (tiền do bị cáo cầm đồ chiếc xe máy trộm cắp), ông T không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền 22.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn M 12 (mười hai) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Hoàng Hữu D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vì Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh C;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THA thành phố C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Nga